VGP
CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
Ký bởi: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 16.04.2019 09:28:11 +07:00

TTĐT (2)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 417 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2019

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Giờ: ...5.....
Ngày: 16/4/2019..

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Chương trình hành động tổng thể thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động tổng thể thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương vùng đồng bằng sông Cửu Long, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN(2).205

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG TỔNG THỂ
Thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu

(Kèm theo Quyết định số : 417/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ)

Thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 120/NQ-CP), Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động tổng thể thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP với những nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Chương trình hành động tổng thể xác định các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cần thực hiện trong từng giai đoạn để các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương vùng đồng bằng sông Cửu Long và Thành phố Hồ Chí Minh tập trung chỉ đạo, xây dựng, triển khai các chương trình, đề án, dự án, giải pháp cụ thể nhằm thực hiện đầy đủ, toàn diện và hiệu quả các nhiệm vụ và mục tiêu đã được Nghị quyết số 120/NQ-CP đề ra.

2. Yêu cầu

Các nhiệm vụ và giải pháp đề ra trong Chương trình hành động tổng thể có trọng tâm, trọng điểm, có lộ trình thực hiện và thời hạn hoàn thành, nhằm đảm bảo tính khả thi, hiệu quả và bám sát các nội dung của Nghị quyết số 120/NQ-CP. Dựa trên cơ sở các nhiệm vụ và giải pháp trong Chương trình hành động tổng thể, các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương vùng đồng bằng sông Cửu Long và Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và triển khai các nhiệm vụ cụ thể, chi tiết và lồng ghép nội dung về biến đổi khí hậu vào các nhiệm vụ đã và đang triển khai thực hiện.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

Chương trình hành động tổng thể đề ra 6 nhóm nhiệm vụ và giải pháp cụ thể chính, bao gồm: (1) Rà soát, hoàn thiện và bổ sung hệ thống cơ chế, chính sách; (2) Cập nhật và hệ thống hóa số liệu, dữ liệu liên ngành, tăng cường

điều tra cơ bản; (3) Xây dựng quy hoạch và tổ chức không gian lãnh thổ; (4) Xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý thích ứng với biến đổi khí hậu; (5) Đầu tư và phát triển hạ tầng; (6) Phát triển và huy động nguồn lực. Chi tiết nội dung của từng nhóm nhiệm vụ và giải pháp như sau:

1. Rà soát, hoàn thiện và bổ sung hệ thống cơ chế, chính sách

Rà soát, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách nhằm khắc phục tình trạng chồng chéo, thiếu phối hợp trong công tác quản lý nhà nước đã dẫn đến giảm sức mạnh tổng hợp của cả vùng. Tập trung vào các cơ chế, chính sách có tính liên ngành, liên vùng về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu, thực hiện trong giai đoạn trước mắt và giai đoạn sau năm 2020.

a) Xây dựng cơ chế phối hợp, giám sát, đánh giá tiến độ và hiệu quả của Chương trình hành động tổng thể thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP.

b) Rà soát, đánh giá cơ chế thí điểm điều phối vùng theo Quyết định số 593/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thí điểm liên kết phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016 - 2020 trình Thủ tướng Chính phủ các giải pháp hoàn thiện cơ chế điều phối, phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long, trong đó có việc thành lập Hội đồng điều phối vùng.

c) Rà soát, xây dựng cơ chế, chính sách mới nhằm phát triển, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn hiện đại; xây dựng cơ chế phối hợp giữa đồng bằng sông Cửu Long với các tỉnh Đông Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh nhằm bảo đảm tính liên kết giữa các địa phương trong vùng và với các khu vực khác; xây dựng cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp, thương mại hỗ trợ cho nền kinh tế nông nghiệp, công nghiệp chế biến các sản phẩm nông sản; hỗ trợ xúc tiến thương mại đưa sản phẩm hàng hóa của vùng đồng bằng sông Cửu Long vào các chuỗi phân phối quốc tế.

d) Rà soát, sửa đổi chính sách đất đai, tạo thuận lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn có sức cạnh tranh, hiệu quả cao và bền vững.

đ) Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp.

e) Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển vùng đô thị và điểm dân cư nông thôn phù hợp với đặc điểm sinh thái tự nhiên, điều kiện cụ thể của từng vùng và tiểu vùng sinh thái thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

g) Rà soát, hoàn thiện các chính sách ưu đãi nhằm phát triển kinh tế - xã hội cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt là đồng bào Kh'Mer và đào tạo bồi dưỡng cán bộ người dân tộc thiểu số vùng đồng bằng sông Cửu Long.

2. Cập nhật, hệ thống hóa số liệu, dữ liệu liên ngành, tăng cường điều tra cơ bản

Việc cập nhật, hệ thống hóa số liệu, dữ liệu liên ngành, tăng cường điều tra cơ bản là nhằm hoàn thiện và thống nhất quản lý hệ thống dữ liệu liên ngành, thúc đẩy điều tra cơ bản để cập nhật đầy đủ các thông tin, dữ liệu toàn vùng, phục vụ công tác quy hoạch không gian lãnh thổ, xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý và quy hoạch tổng thể phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu.

a) Rà soát, cập nhật và xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành và liên ngành về đồng bằng sông Cửu Long phục vụ thích ứng với biến đổi khí hậu, kết nối với cơ sở dữ liệu của Ủy hội sông Mê Công quốc tế; xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu liên vùng đồng bằng sông Cửu Long.

b) Đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản về tài nguyên và môi trường nhằm hỗ trợ công tác dự báo, phòng chống thiên tai, sạt lở và sụt lún ở đồng bằng sông Cửu Long.

c) Nâng cấp và hiện đại hoá hệ thống quan trắc, giám sát, cảnh báo và dự báo về tài nguyên và môi trường.

d) Cập nhật, hoàn thiện và công bố định kỳ kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam đến năm 2100 và chi tiết hóa cho vùng đồng bằng sông Cửu Long; xây dựng tài liệu hướng dẫn sử dụng kịch bản.

3. Xây dựng quy hoạch và tổ chức không gian lãnh thổ

Rà soát, đánh giá việc thực hiện các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương đã có tại vùng đồng bằng sông Cửu Long và xây dựng Quy hoạch tổng thể phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu theo quy định của Luật Quy hoạch. Quy hoạch mới cần chuyển từ "sống chung với lũ" sang "chủ động sống chung với lũ"; đồng thời, việc tổ chức không gian lãnh thổ vùng theo hướng hình thành các tiểu vùng sinh thái làm định hướng phát triển kinh tế, nông nghiệp và cơ sở hạ tầng; tổ chức, phát triển hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn phù hợp với đặc điểm của hệ sinh thái tự nhiên, điều kiện cụ thể của vùng và từng tiểu vùng sinh thái.

a) Rà soát các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương của vùng đồng bằng sông Cửu Long đảm bảo tính liên kết đồng bộ giữa các quy hoạch trên phạm vi vùng lãnh thổ.

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 trên cơ sở tích hợp các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

c) Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành và xây dựng quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030 đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long theo quy định của pháp luật về quy hoạch và pháp luật chuyên ngành có liên quan.

4. Xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý thích ứng với biến đổi khí hậu

Xây dựng cơ cấu kinh tế bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu là nhiệm vụ mang tính trung tâm, xuyên suốt, nhằm hiện thực hóa quan điểm chuyển hóa thách thức do biến đổi khí hậu thành cơ hội. Các nhiệm vụ cụ thể được triển khai dựa trên nền tảng thay đổi tư duy, chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp thuần túy, sang phát triển kinh tế nông nghiệp theo mô hình mới, đa dạng, đáp ứng yêu cầu của thị trường trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

Nền kinh tế của vùng phải thay đổi cơ bản, từ mô hình sản xuất, tập quán sản xuất, sinh kế, nếp sống, mạng lưới dân cư cho đến từng hộ gia đình; phát triển một nền kinh tế nông nghiệp đa dạng, chất lượng, xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển, ứng dụng công nghệ cao, sạch, hữu cơ; chủ động sống chung với lũ và thích nghi với các đặc tính tự nhiên của vùng; khai thác và sử dụng hiệu quả nước lợ, nước mặn; ứng phó với thiên tai bão, lũ, hạn hán, xâm nhập mặn. Trong đó, lấy tài nguyên nước làm yếu tố cốt lõi, làm cơ sở cho việc hoạch định chiến lược, chính sách, quy hoạch phát triển vùng.

Tiêu chí đặt ra là xây dựng các mô hình chuyển đổi dựa trên hệ sinh thái, phù hợp với điều kiện tự nhiên, đa dạng sinh học, văn hóa, con người và quy luật tự nhiên. Quá trình chuyển đổi mô hình sản xuất có tầm nhìn dài hạn, nâng cao hiệu quả kinh tế và giảm tính dễ bị tổn thương trước các rủi ro, chú trọng bảo tồn giá trị văn hóa, lịch sử, đa dạng sinh học, môi trường sinh thái của vùng.

Các nhiệm vụ cụ thể:

a) Xây dựng cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo ba trọng tâm thủy sản - cây ăn quả - lúa, gắn với các tiểu vùng sinh thái.

b) Phát triển công nghiệp xanh, ít phát thải, không gây tổn hại đến hệ sinh thái tự nhiên, chú trọng phát triển năng lượng tái tạo gắn liền với phát triển rừng và bảo vệ bờ biển trong toàn khu vực.

c) Phát triển dịch vụ - du lịch thành một ngành kinh tế mạnh dựa trên khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế về đặc điểm tự nhiên, sinh thái, nét đặc trưng văn hóa và con người vùng đồng bằng sông Cửu Long.

5. Đầu tư và phát triển hạ tầng

Các dự án đầu tư và phát triển hạ tầng phải đảm bảo thống nhất, tính liên vùng, liên ngành, có trọng tâm, trọng điểm và có lộ trình hợp lý. Ưu tiên các công trình cấp bách, công trình có tính chất động lực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội toàn vùng, các công trình thiết yếu phục vụ đời sống nhân dân; chú trọng đến cả các giải pháp công trình và phi công trình.

Thực hiện ngay những nhiệm vụ cấp bách về chống sạt lở, sụt lún nghiêm trọng tại một số khu vực bờ biển, bờ sông. Đẩy mạnh công tác điều tra, khảo sát, xây dựng và phê duyệt các dự án đầu tư để triển khai thực hiện ở giai đoạn sau năm 2020. Một số nhiệm vụ cụ thể gồm:

a) Bảo vệ bờ biển, củng cố, nâng cấp hệ thống đê biển, kết hợp với hệ thống thủy lợi, hệ thống kè phòng chống xói lở bờ biển; tập trung đầu tư xử lý ngay những đoạn bờ sông, bờ biển bị sạt lở, xói lở nghiêm trọng. Đầu tư các kè tạo bãi trồng rừng ngập mặn; phát triển rừng ngập mặn phục vụ bảo vệ hệ thống đê biển, đê sông, phát triển sinh kế sinh thái gắn với rừng.

b) Phát triển hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn phù hợp với đặc điểm của hệ sinh thái tự nhiên, điều kiện cụ thể của vùng và từng tiểu vùng sinh thái.

c) Nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống thủy lợi phục vụ phòng chống thiên tai, phát triển sinh kế, phục vụ chuyển đổi, phát triển và tái cơ cấu nông nghiệp bền vững tại các tiểu vùng sinh thái, trong đó đẩy mạnh hình thức đối tác công - tư.

d) Bảo đảm nhà ở an toàn trong điều kiện ngập lụt, khô hạn, bão, lũ, giông, lốc, nước biển dâng. Trước mắt đầu tư, xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ; thí điểm xây dựng mô hình nhà, công trình phòng, tránh lốc, bão.

đ) Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, ưu tiên các công trình giao thông tại các vùng có nguy cơ cao về ngập lụt; các công trình phục vụ kết nối, trung chuyển thúc đẩy vận tải đa phương thức tại các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long; đầu tư, xây dựng, phát triển đồng bộ hạ tầng thông tin và truyền thông, mạng lưới cấp điện, cấp nước, thoát nước, y tế.

e) Đầu tư hệ thống cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, các khu xử lý chất thải rắn; đẩy mạnh các hoạt động tái chế, tái sử dụng và sản xuất năng lượng từ rác cho vùng đồng bằng sông Cửu Long theo định hướng phát triển bền vững.

g) Triển khai thực hiện và đúc kết kinh nghiệm các đề án liên kết phát triển bền vững các tiểu vùng khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

6. Phát triển và huy động nguồn lực

Các nhiệm vụ phát triển và huy động nguồn lực bao gồm nâng cao nhận thức; phát triển nguồn nhân lực; khoa học và công nghệ; tài chính và hợp tác quốc tế. Việc xây dựng và phê duyệt các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ, tổ chức triển khai được thực hiện trước năm 2020 và sẽ được cập nhật và tiếp tục thực hiện ở giai đoạn 2021 - 2030.

a) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức: triển khai công tác truyền thông nhằm tăng cường nhận thức từ các cấp lãnh đạo tới doanh nghiệp và người dân về những cơ hội của các mô hình chuyển đổi nhằm phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu để thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP.

b) Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực: xây dựng và thực hiện các đề án về chuyển đổi ngành nghề và tạo việc làm cho lao động nông nghiệp, nông thôn theo hướng chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa; cung cấp thông tin thị trường, hỗ trợ thu hút sự tham gia của doanh nghiệp; đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; đổi mới công tác đào tạo; phát triển nguồn nhân lực cho kinh tế tập thể, hợp tác xã.

c) Phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ: triển khai có hiệu quả các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm; ưu tiên bố trí nguồn lực khoa học và công nghệ có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm hiệu quả, thực chất. Đẩy mạnh nghiên cứu về các vấn đề bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, giảm nhẹ các tổn thương, tác động tiêu cực do biến đổi khí hậu gây ra; triển khai các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách phục vụ sản xuất và phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; nghiên cứu, chọn tạo, phát triển các giống cây trồng, vật nuôi và giống thủy sản có tiềm năng, lợi thế của vùng; nghiên cứu tạo nguồn vật liệu mới thay thế, phục vụ san lấp, xây dựng để hạn chế việc lấy cát từ lòng sông; nghiên cứu xây dựng và triển khai Chương trình khoa học và công nghệ ứng phó với biến đổi khí hậu phục vụ phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long.

d) Huy động và quản lý nguồn lực tài chính: đẩy mạnh các hoạt động huy động nguồn lực về tài chính cho các hoạt động phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu vùng đồng bằng sông Cửu Long; tăng cường hiệu quả sử dụng nguồn vốn và đẩy nhanh tiến độ giải ngân, bảo đảm sử dụng hiệu quả số vốn đầu tư công trung hạn.

đ) Tăng cường hợp tác quốc tế: tăng cường điều phối các hoạt động hợp tác song phương, đa phương và với các quốc gia thượng nguồn sông Mê Công; hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; thiết lập các khuôn khổ hợp tác mới.

Chương trình hành động tổng thể thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP được phân kỳ thực hiện theo các giai đoạn: Giai đoạn đến năm 2020, giai đoạn 2021 - 2030, định hướng giai đoạn 2031 - 2050 và đến năm 2100. Cụ thể như sau:

A. GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2020

Trọng tâm của giai đoạn này là thực hiện những nhiệm vụ cấp bách đã nêu trong Nghị quyết số 120/NQ-CP. Trong đó, ưu tiên giải quyết vấn đề sạt lở bờ biển, bờ sông, rạch và sụt lún đất trong vùng đang diễn ra rất nhanh và

ngày càng trầm trọng; triển khai quy hoạch, thiết kế các dự án cần đầu tư quy mô lớn ở giai đoạn tiếp theo nhằm triển khai mô hình kinh tế - xã hội của vùng một cách bền vững và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

Nhiệm vụ trọng tâm của giai đoạn này tập trung vào các hoạt động rà soát các cơ chế, chính sách, xác định và trình phê duyệt các chính sách mới. Thí điểm các mô hình chuyển đổi kinh tế; triển khai các hoạt động đầu tư xây dựng hạ tầng đã được phê duyệt. Trong đó, các dự án đầu tư để chuyển đổi mô hình kinh tế của vùng nhằm phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu có vai trò quan trọng cần được ưu tiên. Rà soát, xây dựng và hoàn thiện Quy hoạch tổng thể phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo phương pháp tích hợp đa ngành; triển khai thực hiện các chương trình, đề án đã được xác định và phê duyệt. Rà soát, cập nhật và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành và liên ngành về đồng bằng sông Cửu Long; xây dựng và phê duyệt các đề án tăng cường công tác điều tra cơ bản về tài nguyên và môi trường và phòng chống thiên tai vùng đồng bằng sông Cửu Long; nâng cấp hệ thống quan trắc, giám sát, cảnh báo và dự báo về tài nguyên và môi trường.

Triển khai các chương trình truyền thông, tổ chức các khóa đào tạo tập huấn; triển khai các đề án phát triển nguồn nhân lực, các đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ được duyệt.

B. GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

Dựa trên kết quả thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp của giai đoạn đến năm 2020, trọng tâm của giai đoạn này tập trung vào việc triển khai các dự án, nhiệm vụ đã được phê duyệt, đồng thời xúc tiến những dự án, nhiệm vụ đầu tư xây dựng cơ bản đòi hỏi những nguồn kinh phí lớn. Các nhiệm vụ cần tiếp tục thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2030 là triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách, quy hoạch được xây dựng và phê duyệt ở giai đoạn đến năm 2020; duy trì và cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu liên ngành, điều tra cơ bản về tài nguyên và môi trường vùng đồng bằng sông Cửu Long; triển khai thực hiện các mô hình kinh tế hợp lý đã thí điểm thành công; tiếp tục đầu tư và phát triển hạ tầng, phát triển và huy động nguồn lực. Nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm của giai đoạn 2021 - 2030 gồm:

1. Đúc kết kinh nghiệm, nhân rộng các mô hình chuyển đổi kinh tế đã được thí điểm thành công; triển khai các hoạt động đầu tư xây dựng hạ tầng theo các chương trình, dự án đã được phê duyệt trong giai đoạn đầu hoặc sẽ phê duyệt trong giai đoạn hai. Trong đó, các dự án đầu tư để chuyển đổi mô hình kinh tế của vùng nhằm phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu có vai trò quan trọng cần được ưu tiên.

2. Tiếp tục thực hiện rà soát, hoàn thiện và bổ sung hệ thống cơ chế, chính sách: triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách đã được xác định và phê duyệt ở giai đoạn đầu.

3. Về cập nhật, hệ thống hóa và điều tra xây dựng cơ sở dữ liệu liên ngành: thường xuyên cập nhật các dữ liệu để phục vụ công tác quy hoạch, tổ chức không gian lãnh thổ, chuyển đổi mô hình sản xuất và quy hoạch tổng thể phát triển bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu. Cập nhật, hoàn thiện và công bố định kỳ kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng cho Việt Nam và cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu liên ngành phục vụ công tác ứng phó với biến đổi khí hậu.

4. Về nhóm nhiệm vụ xây dựng quy hoạch, tổ chức không gian lãnh thổ: triển khai thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo phương pháp tích hợp đa ngành; thực hiện các chương trình, đề án đã được xác định và phê duyệt.

5. Về nhóm nhiệm vụ xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, thích ứng với biến đổi khí hậu: đúc kết kinh nghiệm và nhân rộng các mô hình đã thí điểm thành công về tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo ba trọng tâm thủy sản - cây ăn quả - lúa gắn với các tiểu vùng sinh thái. Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ nhằm xây dựng cơ cấu kinh tế nông nghiệp hợp lý, bảo đảm gắn kết chuỗi sản phẩm hàng hóa, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Chú trọng chuỗi công nghiệp chế biến và công nghiệp hỗ trợ cho nền kinh tế nông nghiệp. Triển khai thực hiện các nhiệm vụ về phát triển công nghiệp xanh, năng lượng tái tạo; phát triển dịch vụ - du lịch dựa trên tiềm năng, lợi thế về đặc điểm tự nhiên, sinh thái, văn hóa, con người và nhân rộng các mô hình phát triển dịch vụ du lịch, nhân rộng các khu bảo tồn.

6. Về nhóm nhiệm vụ đầu tư và phát triển hạ tầng: đầu tư thực hiện các dự án đã được xác định trong quy hoạch, kế hoạch theo lộ trình và các đề án được phê duyệt, trong đó chú trọng đến việc đúc kết kinh nghiệm và nhân rộng các mô hình đã được thí điểm thành công trong giai đoạn trước.

7. Về nhóm nhiệm vụ phát triển và huy động nguồn lực: tiếp tục triển khai các chương trình truyền thông, tổ chức các khóa đào tạo tập huấn; triển khai các đề án phát triển nguồn nhân lực, các đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ được duyệt. Việc huy động nguồn lực tài chính là một trong những ưu tiên trọng tâm của giai đoạn này bao gồm việc vận hành quỹ cho phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long.

C. ĐỊNH HƯỚNG GIAI ĐOẠN 2031 - 2050

Nội dung của giai đoạn này là phát huy hiệu quả và tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, chương trình, dự án, nhiệm vụ của giai đoạn đến năm 2020 và 2021 - 2030, điều chỉnh bổ sung cho phù hợp để đến năm 2050, đồng bằng sông Cửu Long trở thành vùng nông nghiệp hàng hóa chất lượng

cao, kết hợp với dịch vụ, du lịch sinh thái, có trình độ phát triển khá so với cả nước về tổ chức xã hội, kinh tế và mạng lưới hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu, thích ứng với điều kiện tài nguyên nước và an toàn trước thiên tai.

Triển khai từng bước công nghiệp hóa nông nghiệp chuyên canh theo chuỗi hàng hóa phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, tình trạng lũ, hạn, mặn, thiếu nước ngọt và kịch bản biến đổi khí hậu của từng khu vực; hoàn thiện cơ sở hạ tầng để thuận tiện trong kết nối với thị trường trong nước và quốc tế. Các quyết định đầu tư lớn cần được xây dựng trên cơ sở tham vấn rộng rãi các bên liên quan, lấy trọng tâm là phục vụ phát triển các vùng nông nghiệp chuyên canh theo chuỗi hàng hóa chất lượng cao kết hợp dịch vụ, du lịch sinh thái; được đánh giá đầy đủ về chi phí, lợi ích và phù hợp với tổ chức xã hội, điều kiện đất đai, tài nguyên nước, biến đổi khí hậu tại khu vực.

D. ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2100

Nội dung của giai đoạn này là kế thừa, phát huy các kết quả đạt được sau khi thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp đã được xác định cho giai đoạn trước 2050, trong đó có phát triển về chiều sâu các mô hình nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao. Sản phẩm của đồng bằng sông Cửu Long trở thành các thương hiệu có uy tín và tính cạnh tranh cao trên thế giới và phù hợp điều kiện khí hậu, đất đai, thổ nhưỡng cả khu vực. Các khu dịch vụ, du lịch sinh thái trở thành điểm đến có sức hút mạnh mẽ với du khách quốc tế và nằm trong chuỗi du lịch chất lượng cao của toàn khu vực sông Mê Công. Đến năm 2100, đồng bằng sông Cửu Long trở thành trung tâm kinh tế của khu vực sông Mê Công, với trình độ tiên tiến về tổ chức xã hội, kinh tế và mạng lưới hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu. Các nhiệm vụ cụ thể cho giai đoạn sau năm 2051 đến năm 2100 sẽ được bổ sung khi sửa đổi Chương trình hành động tổng thể vào giai đoạn sau.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban quốc gia về biến đổi khí hậu, các bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương vùng đồng bằng sông Cửu Long, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động tổng thể; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo và kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban quốc gia về biến đổi khí hậu các biện pháp cần thiết để đảm bảo thực hiện đồng bộ và có hiệu quả Chương trình hành động tổng thể.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Chương trình hành động tổng thể; kịp thời báo cáo và tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ những giải pháp giải quyết những bất cập, vướng mắc nảy sinh trong quá trình thực hiện ở Trung ương và địa phương, bảo đảm việc triển khai Nghị quyết và Chương trình hành động tổng thể đúng tiến độ, mang lại hiệu quả thiết thực cho người dân.

- Triển khai thực hiện Chương trình hành động tổng thể và thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và cơ quan liên quan xây dựng Quy hoạch tổng thể phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thích ứng với biến đổi khí hậu theo quy định của pháp luật về quy hoạch, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt trước quý III năm 2020.

- Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính rà soát, tổng hợp các dự án đầu tư vào kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm để thực hiện các nhiệm vụ phù hợp với khả năng ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan.

- Triển khai thực hiện Chương trình hành động tổng thể và thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

3. Bộ Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan bố trí hoặc hướng dẫn bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên để triển khai Chương trình hành động tổng thể theo quy định.

- Triển khai thực hiện Chương trình hành động tổng thể và thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

4. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương vùng đồng bằng sông Cửu Long, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Tập trung nguồn lực triển khai thực hiện các nội dung công việc được phân công trong bảng danh mục đề án, chương trình, dự án, nhiệm vụ kèm theo, đảm bảo chất lượng và tiến độ theo yêu cầu.

- Rà soát các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực của vùng đồng bằng sông Cửu Long đã được phê duyệt, đảm bảo tính liên kết đồng bộ giữa các quy hoạch trên phạm vi vùng lãnh thổ; kiến nghị nội dung quy hoạch để tích hợp vào Quy hoạch tổng thể phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thích ứng với biến đổi khí hậu theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

- Chủ trì rà soát, điều chỉnh, lập mới các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng

nội dung quy hoạch được phân công để tích hợp vào Quy hoạch tổng thể phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thích ứng với biến đổi khí hậu theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

- Đẩy mạnh các hoạt động giám sát, tuyên truyền nâng cao nhận thức trong quá trình triển khai thực hiện các nội dung công việc được phân công.

- Định kỳ hằng năm, báo cáo tiến độ thực hiện các nhiệm vụ đang triển khai, kết quả các nhiệm đã hoàn thành, các nhiệm vụ chưa hoàn thành so với tiến độ thời gian yêu cầu và nguyên nhân, gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ Chương trình hành động tổng thể thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu được phê duyệt, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương vùng đồng bằng sông Cửu Long, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được giao các nhiệm vụ, đề án, dự án, triển khai xây dựng nội dung chi tiết, dự toán kinh phí theo quy định của pháp luật hiện hành trình cấp có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở xác định và bố trí kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Trong đó, phân định rõ các nhiệm vụ, đề án, dự án thuộc chức năng, nhiệm vụ thường xuyên, các bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm bố trí trong dự toán ngân sách được giao hàng năm để thực hiện./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

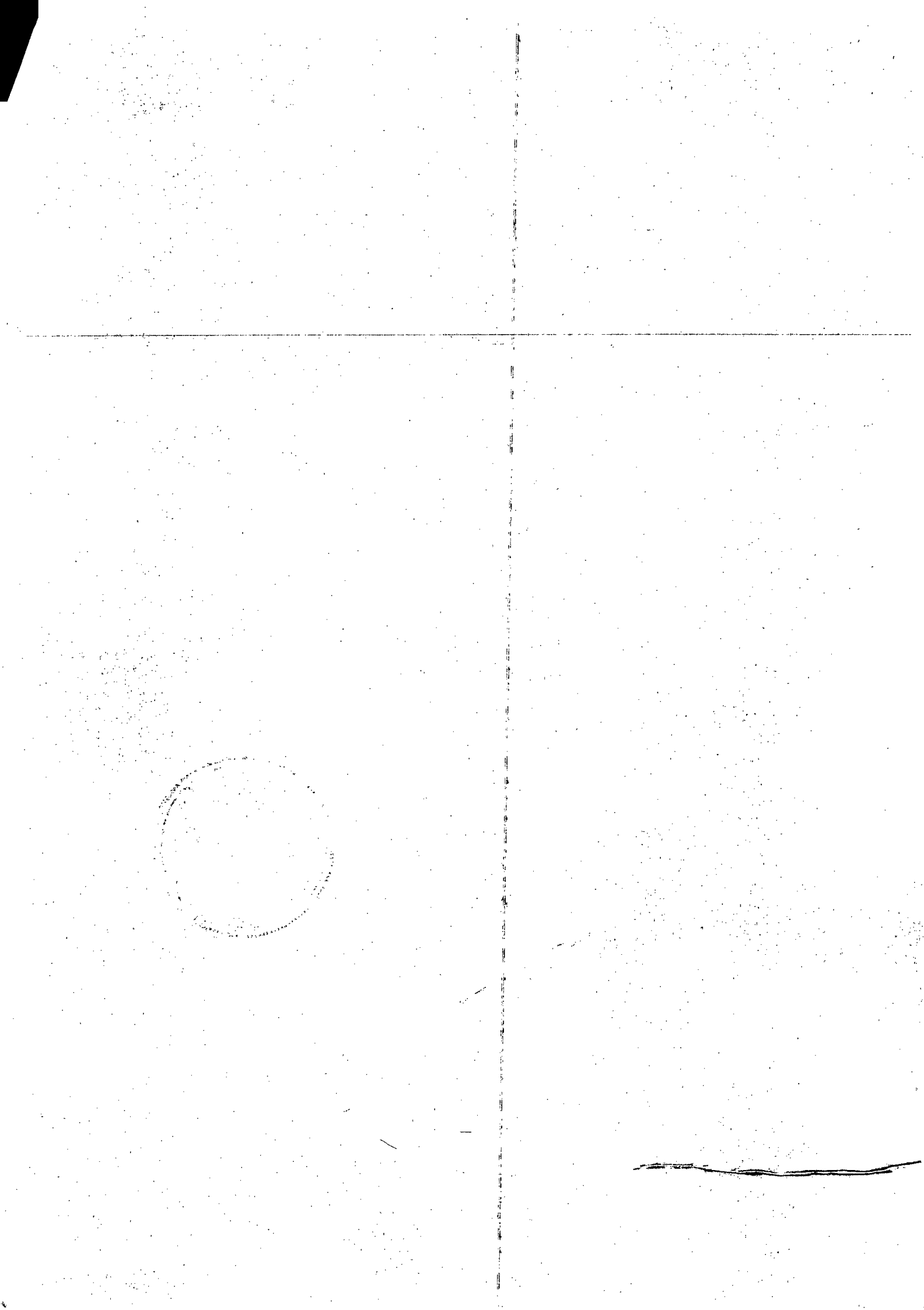

DANH MỤC ĐỀ ÁN, CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 120/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

(Kèm theo Quyết định số: 417 /QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Rà soát, hoàn thiện và bổ sung hệ thống cơ chế, chính sách

TT	Nhiệm vụ	Nội dung cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến 2020	2021 - 2030
1	Xây dựng cơ chế phối hợp, giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu.	- Xây dựng cơ chế phối hợp, giám sát; đánh giá tiến độ và hiệu quả của Chương trình hành động tổng thể thực hiện Nghị quyết 120/NQ-CP.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL và Thành phố Hồ Chí Minh.	- Tháng 12/2019: Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. - Định kỳ 6 tháng báo cáo UBQG về BĐKH.	- Triển khai thực hiện. - Định kỳ 6 tháng báo cáo UBQG về BĐKH.
2	Rà soát, xây dựng cơ chế, chính sách mới nhằm phát triển nông nghiệp nông thôn hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao chất lượng, giá trị và hiệu quả sản xuất vùng ĐBSCL.	- Phát triển kinh tế hợp tác, kinh tế trang trại, chuỗi giá trị nông nghiệp; liên kết sản xuất với tiêu thụ sản phẩm. - Thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. - Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao giá trị và hiệu quả sản xuất; phát triển công nghệ sau thu hoạch.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, ngành có liên quan	- Đã ban hành Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 28/8/2018. - Đã ban hành Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018; Thông tư 04/2018/TT-BKHĐT. - Tháng 12/2019: ban hành.	Triển khai thực hiện.

TT	Nhiệm vụ	Nội dung cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến 2020	2021 - 2030
3	Xây dựng cơ chế huy động nguồn lực, khuyến khích sự tham gia đầu tư của các thành phần kinh tế.	- Huy động nguồn lực, khuyến khích sự tham gia của các thành phần kinh tế. - Rà soát, đánh giá cơ chế thí điểm điều phối vùng theo Quyết định số 593/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thí điểm liên kết phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016 - 2020 trình Thủ tướng Chính phủ các giải pháp hoàn thiện cơ chế điều phối, phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long, trong đó có việc thành lập Hội đồng điều phối vùng. - Xây dựng các chính sách khuyến khích tư nhân đầu tư vùng ĐBSCL.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Nội vụ, VCCI, UBND các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL.	Tháng 12/2019-2020: Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành.	Triển khai thực hiện.
4	Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp, thương mại hỗ trợ cho nền kinh tế nông nghiệp, công nghiệp chế biến các sản phẩm nông sản.	- Phát triển công nghiệp hỗ trợ cho nền kinh tế nông nghiệp, công nghiệp chế biến sản phẩm nông sản. - Hỗ trợ xúc tiến thương mại; đưa sản phẩm hàng hóa vùng ĐBSCL vào các chuỗi phân phối quốc tế.	Bộ Công Thương	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, VCCI, UBND các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL.	Tháng 12/2019: Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành.	Triển khai thực hiện.

TT	Nhiệm vụ	Nội dung cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến 2020	2021 - 2030
5	Rà soát, sửa đổi chính sách đất đai, tạo thuận lợi cho tích tụ, tập trung đất đai thúc đẩy sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, có sức cạnh tranh, hiệu quả cao và bền vững.	- Rà soát, sửa đổi chính sách đất đai, tạo thuận lợi cho tích tụ, tập trung ruộng đất nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, có sức cạnh tranh, hiệu quả cao và bền vững.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố ĐBSCL.	- Tháng 12/2019: Bộ Tài nguyên và Môi trường kiến nghị Chính phủ sửa đổi chính sách đất đai. - Hoàn thiện chính sách đất đai.	Triển khai thực hiện chính sách sửa đổi.
6	Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp.	- Rà soát cơ chế, chính sách hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp. - Kiến nghị hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành có liên quan; UBND các tỉnh, thành phố ĐBSCL có liên quan.	- Tháng 12/2019: báo cáo Thủ tướng Chính phủ. - Tháng 12/2020: báo cáo Thủ tướng Chính phủ.	Triển khai thực hiện.
7	Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển vùng đô thị và điểm dân cư nông thôn.	Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển vùng đô thị và điểm dân cư nông thôn phù hợp với đặc điểm tự nhiên cụ thể của từng vùng và tiểu vùng sinh thái thích ứng với BĐKH và nước biển dâng.	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành có liên quan; UBND các tỉnh, thành phố ĐBSCL có liên quan.	Tháng 12/2019: Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành.	Triển khai thực hiện.

TT	Nhiệm vụ	Nội dung cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến 2020	2021 - 2030
8	Rà soát, xây dựng tổng thể các chính sách ưu đãi nhằm phát triển kinh tế - xã hội cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt là đồng bào Kh'Mer.	- Nghiên cứu, tích hợp các nội dung Đề án Chính sách ưu đãi phát triển kinh tế - xã hội và đào tạo bồi dưỡng cán bộ dân tộc Khmer vùng ĐBSCL vào dự thảo Nghị định về chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo vùng ĐBSCL; Nghị định về đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn, bố trí, sử dụng và phát huy đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số.	Ủy ban Dân tộc	Các bộ, ngành có liên quan; UBND các tỉnh, thành phố ĐBSCL có liên quan.	Tháng 12/2019: trình Chính phủ phê duyệt	Triển khai thực hiện.

2. Cập nhật và hệ thống hóa số liệu, dữ liệu liên ngành, tăng cường điều tra cơ bản

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến 2020	2021 - 2030
1	Hoàn thiện, cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành và liên ngành về ĐBSCL phục vụ phát triển bền vững, thích ứng với BĐKH.	- Rà soát và cập nhật số liệu, dữ liệu chuyên ngành và liên ngành về ĐBSCL. - Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành và liên ngành về ĐBSCL, kết nối với cơ sở dữ liệu của Ủy hội Mê Công quốc tế. - Xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu vùng ĐBSCL.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL.	- Tháng 12/2019 hoàn tất rà soát dữ liệu. - Tháng 12/2020, hoàn tất cập nhật dữ liệu và Hệ thống cơ sở dữ liệu liên ngành.	Cập nhật dữ liệu hàng năm.

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến 2020	2021 - 2030
2	Tăng cường công tác điều tra cơ bản về tài nguyên và môi trường và phòng chống thiên tai vùng ĐBSCL.	- Hiện đại hoá mạng lưới độ cao ĐBSCL thuộc mạng lưới cao độ quốc gia; giám sát sụt lún/nâng hạ địa chất ĐBSCL; đo đạc, cập nhật địa hình tỷ lệ lớn ĐBSCL; đo đạc địa hình lòng dẫn các sông chính thuộc hệ thống sông Mê Công; quan trắc, cập nhật dữ liệu về mực nước ngầm vùng ĐBSCL.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL.	- Tháng 12/2019: Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Dự án. - Triển khai thực hiện.	Tiếp tục thực hiện.
		Điều tra, đánh giá hiện trạng và khắc phục sạt lở bờ sông, bờ biển và hệ thống đê biển.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL.	Triển khai thực hiện nhiệm vụ đã được duyệt.	Tiếp tục thực hiện.
		Điều tra, đánh giá hệ thống thủy lợi vùng ĐBSCL và đề xuất phương án phát triển thủy lợi phục vụ chuyển đổi, phát triển nông nghiệp bền vững	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL.	- Tháng 12/2020	
3	Nâng cấp và hiện đại hoá hệ thống quan trắc, giám sát, cảnh báo và dự báo về tài nguyên và môi trường.	- Nâng cấp, hiện đại hoá hệ thống quan trắc, giám sát, cảnh báo và dự báo khí tượng thủy văn, môi trường. - Xây dựng hệ thống giám sát nguồn nước; cảnh báo, dự báo hạn hán và xâm nhập mặn vùng ĐBSCL. - Xây dựng mạng lưới giám sát BĐKH, nước biển dâng vùng ĐBSCL[1].	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL.	- Tháng 12/2019: Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Dự án. - Triển khai thực hiện.	Tiếp tục thực hiện.

[1] Thuộc Đề án điều tra, đánh giá tổng thể nguồn nước, cảnh báo, dự báo phòng chống khô hạn, xâm nhập mặn thích ứng với BĐKH khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và ĐBSCL.

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến 2020	2021 - 2030
4	Cập nhật, hoàn thiện và công bố định kỳ Kịch bản về BĐKH và nước biển dâng cho Việt Nam đến năm 2100.	Cập nhập, hoàn thiện, công bố định kỳ Kịch bản BĐKH và nước biển dâng đến năm 2100, chi tiết hóa cho vùng ĐBSCL; xây dựng hướng dẫn sử dụng.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành; UBND các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL.	Tháng 12/2020: Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố bản cập nhật Kịch bản.	Cập nhật Kịch bản định kỳ 5 năm.

3. Xây dựng quy hoạch, tổ chức không gian lãnh thổ

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến 2020	2021 - 2030
1	Rà soát các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương của vùng đồng bằng sông Cửu Long đảm bảo tính liên kết đồng bộ giữa các quy hoạch trên phạm vi vùng lãnh thổ.	Tổng hợp danh mục và rà soát các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương của vùng đồng bằng sông Cửu Long đã được phê duyệt; xác định các nội dung quy hoạch, chồng chéo, mâu thuẫn, các đề xuất không hợp lý và thiếu khả thi trong thời kỳ quy hoạch và đề xuất phương hướng xử lý; kiến nghị nội dung quy hoạch để tích hợp vào quy hoạch tổng thể phát triển bền vững vùng ĐBSCL thích ứng với BĐKH đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 theo quy định của Luật Quy hoạch.	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 9/2019: Các bộ, ngành hoàn tất việc rà soát và gửi kết quả rà soát về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.	Triển khai thực hiện.

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến 2020	2021 - 2030
2	Xây dựng và tổ chức thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 trên cơ sở tích hợp các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch	Tổ chức lập Quy hoạch tổng thể phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 theo quy định của pháp luật về quy hoạch. Việc tích hợp các quy hoạch vào Quy hoạch tổng thể phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 thực hiện theo Danh mục quy hoạch tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh do Chính phủ ban hành và theo quy định của pháp luật về quy hoạch.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh/ thành phố vùng ĐBSCL.	Tháng 9/2020: trình Chính phủ phê duyệt Quy hoạch.	Triển khai thực hiện quy hoạch.
3	Rà soát, cập nhật các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành theo quy định của pháp luật chuyên ngành	Rà soát, điều chỉnh, lập mới các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thích ứng với	Bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL	Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành có liên quan.	Tháng 12/2020: Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch.	Triển khai thực hiện quy hoạch.

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến 2020	2021 - 2030
		biến đổi khí hậu; xây dựng nội dung quy hoạch được phân công để tích hợp vào Quy hoạch tổng thể phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thích ứng với biến đổi khí hậu theo quy định của pháp luật về quy hoạch				

4. Xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến 2020	2021 - 2030
1	Xây dựng cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo ba trọng tâm: thủy sản - cây ăn quả - lúa gắn với các tiểu vùng sinh thái, trong đó coi thủy sản (nước ngọt, nước lợ, nước mặn) là sản phẩm chủ lực.	- Chuyển đổi cơ cấu và hỗ trợ đầu tư phát triển cây trồng, vật nuôi chủ lực ở ĐBSCL. - Chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa ở vùng cửa sông, ven biển sang nuôi trồng thủy, hải sản nhằm thích ứng với xâm nhập mặn gia tăng. - Phát triển nông nghiệp hữu cơ ở ĐBSCL. - Xây dựng nhãn hiệu và chỉ dẫn	UBND các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành có liên quan.	- Đến 2020: Triển khai thực hiện các mô hình đã thí điểm. Xây dựng các mô hình thí điểm mới.	Đúc kết kinh nghiệm và nhân rộng.

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến 2020	2021 - 2030
		địa lý một số sản phẩm nông sản chủ lực của các địa phương ĐBSCL. - Chuyển hóa rừng giống, cải tạo rừng, trồng rừng thay thế, phát triển rừng bền vững ở ĐBSCL.				
		- Thử nghiệm thả rạn san hô nhân tạo nhằm bảo vệ, tái tạo nguồn lợi thủy sản kết hợp phát triển du lịch trên vùng biển tỉnh Cà Mau.	UBND tỉnh Cà Mau	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ/ngành có liên quan.	- Đến 2020: Xây dựng và triển khai mô hình thí điểm.	Đúc kết kinh nghiệm và nhân rộng.
		- Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới tại vùng ĐBSCL.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, ngành; UBND các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL.	- Đến 2020: Triển khai thực hiện các mô hình đã thí điểm. Xây dựng các mô hình mới.	Đúc kết kinh nghiệm và nhân rộng.
		- Tái tạo, bổ sung nguồn lợi thủy sản tại một số lưu vực sông và vùng ven biển ĐBSCL.				
		- Xây dựng mô hình kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản phù hợp với tự nhiên, chủ động thích ứng với mặn và hạn. - Phát triển ngành thủy sản bền vững vùng ĐBSCL. - Xây dựng đề án phát triển thuỷ sản bền vững ĐBSCL kết hợp điều tra đánh giá ảnh hưởng của xâm nhập mặn đến nuôi trồng thủy sản ĐBSCL - Xây dựng đề án quản lý và phát				

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến 2020	2021 - 2030
		triển rừng ngập mặn phục vụ phòng hộ ven sông, ven biển …				
2	Xây dựng cơ cấu kinh tế nông nghiệp hợp lý, bảo đảm gắn kết chuỗi sản phẩm hàng hóa, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu, chú trọng chuỗi công nghiệp chế biến và công nghiệp hỗ trợ cho nền kinh tế nông nghiệp.	- Tăng cường xúc tiến thương mại, tổ chức lại và mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu đối với các sản phẩm nông, lâm, thủy sản chủ lực vùng ĐBSCL.	Bộ Công Thương	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các tỉnh/thành phố vùng ĐBSCL có liên quan.	- Đến 2020: Tổ chức các Hội nghị, Diễn đàn xúc tiến thương mại.	Tiếp tục thực hiện.
		- Xây dựng và phát triển thương hiệu vùng ĐBSCL trong ngành hàng thực phẩm Việt Nam.			- Đến 2020: Đúc kết kinh nghiệm và xác định các ngành hàng chủ chốt.	- 2021 - 2025: Xây dựng, phát triển các thương hiệu chủ chốt - 2025 - 2030: Tiếp tục triển khai.
		- Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn vùng ĐBSCL phát triển công nghiệp chế biến nông, thủy sản theo hướng bền vững, thích ứng với BĐKH.	Bộ Công Thương	UBND các tỉnh/ thành phố vùng ĐBSCL.	Thực hiện hàng năm.	Thực hiện hàng năm và tổng kết đánh giá mỗi 5 năm.
		- Hỗ trợ hình thành chuỗi giá trị khép kín vùng ĐBSCL - TP. HCM; phát triển hệ thống logistics kết nối TP. HCM và ĐBSCL.	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	Bộ Công Thương; các bộ, ngành; UBND các tỉnh, thành phố ĐBSCL.	- Triển khai thực hiện.	Tiếp tục thực hiện.
		- Phát triển ngành nghề nông thôn ở ĐBSCL, chuyển đổi sinh kế từ	UBND các tỉnh, thành	Bộ Nông nghiệp và Phát triển	- Đến 2019: Triển khai các mô hình thí	Đúc kết kinh nghiệm và nhân

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến 2020	2021 - 2030
		việc dựa vào hệ sinh thái nước ngọt sang hệ sinh thái nước mặn, lợ nhằm thích ứng với BĐKH, nước biển dâng.	phố vùng ĐBSCL	nông thôn; các bộ, ngành liên quan.	điểm thành công - Đến 2020: Xây dựng các mô hình mới.	rộng.
3	Phát triển công nghiệp xanh, ít phát thải, không gây tổn hại đến hệ sinh thái tự nhiên. Phát triển năng lượng tái tạo gắn liền với phát triển rừng và bảo vệ bờ biển trong toàn khu vực	- Phát triển công nghiệp xanh khu vực ĐBSCL.	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành; UBND các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL.	- Tháng 12/2019: Bộ Công Thương phê duyệt Đề án. - Triển khai thực hiện.	Tiếp tục thực hiện.
		- Đánh giá tác động môi trường tổng hợp của các Trung tâm nhiệt điện (ưu tiên thực hiện tại các Trung tâm nhiệt điện Duyên hải).	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành; UBND các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL có liên quan.	- Tháng 12/2019: hoàn thành Báo cáo đánh giá. - Giám sát, đánh giá	Tiếp tục giám sát, đánh giá.
4	Phát triển dịch vụ - du lịch dựa trên khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế về đặc điểm tự nhiên, sinh thái, nét đặc trưng văn hóa, con người vùng ĐBSCL với hiệu quả kinh tế cao. Phát triển các loại hình du lịch miệt vườn, du lịch sông nước, du lịch sinh thái gắn với các khu bảo tồn thiên nhiên.	- Bảo tồn, tôn tạo và phát triển bản sắc văn hoá, các công trình văn hóa, di tích lịch sử; giữ gìn và phát huy các di sản thiên nhiên và văn hóa; xây dựng kế hoạch bảo tồn phát triển văn hóa - thông tin các dân tộc thiểu số vùng ĐBSCL.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, ngành; UBND các tỉnh/ thành phố vùng ĐBSCL.	- Tháng 12/2019: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt Đề án. - Triển khai thực hiện.	Tiếp tục thực hiện.
		- Thành lập thí điểm Khu bảo tồn phục vụ phát triển bền vững du lịch sinh thái và Trung tâm tri thức về phát triển du lịch sinh thái tại ĐBSCL.	UBND các tỉnh/thành phố vùng ĐBSCL	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin và Truyền thông, bộ,	- Đến 2019: Triển khai các mô hình đã thí điểm thành công. - Đến 2020: xây	Đúc kết kinh nghiệm và nhân rộng.

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến 2020	2021 - 2030
		- Phát triển dịch vụ du lịch sinh thái kết nối với các điểm di tích lịch sử văn hóa các tỉnh ĐBSCL. - Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ hệ thống thông tin địa lý GIS và các giải pháp hiện đại trong việc hệ thống hóa, số hóa hiện trạng di sản văn hóa, tài nguyên văn hóa phi vật thể trong vùng, tạo điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin quảng bá, phát triển ngành du lịch.		ngành có liên quan.	dựng các mô hình mới.	
5	Chuyển đổi nông nghiệp bền vững vùng ĐBSCL	- Xây dựng Chương trình tổng thể phát triển nông thôn bền vững ĐBSCL thích ứng với BĐKH gắn liền với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới để phát triển nông nghiệp, nông thôn vùng ĐBSCL theo hướng bền vững, hiện đại, hiệu quả cao, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế, thích ứng với BĐKH. - Hợp phần "Hỗ trợ các hệ thống	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, ngành có liên quan; UBND các tỉnh, thành phố có liên quan vùng ĐBSCL. UBND các tỉnh,	Đến 2019: trình Thủ tướng Chính phủ. - Triển khai thực hiện. - Triển khai thực	Tiếp tục thực hiện. Đúc kết kinh

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến 2020	2021 - 2030
		trồng lúa bền vững" thuộc dự án "Chuyển đổi nông nghiệp bền vững Việt Nam.		thành phố: Kiên Giang, An Giang, Tiền Giang, Hậu Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ, Sóc Trăng và Long An	hiện các nội dung của dự án. - Kết thúc dự án vào 31 tháng 12 năm 2020	nghiệm và nhân rộng.
6	Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững ĐBSCL	Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững ĐBSCL	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL	- Triển khai thực hiện các nội dung của dự án.	- Kết thúc dự án vào 31/12/2022. - Đúc kết kinh nghiệm, nhân rộng.

5. Xây dựng các dự án đầu tư và phát triển hạ tầng

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến 2020	2021 - 2030
1	Khắc phục sạt lở; xử lý các khu vực sạt lở có ảnh hưởng trực tiếp đến khu dân cư tập trung, công trình hạ tầng thiết yếu.	Đầu tư các dự án cấp bách nhằm khắc phục sạt lở; xử lý các khu vực sạt lở có ảnh hưởng trực tiếp và nghiêm trọng đến khu dân cư tập trung, công trình hạ tầng thiết yếu (theo Văn bản 185/TB-VPCP ngày 15/5/2018 và đề nghị của Bộ NN&PTNT tại Công văn số 5510/BNN-PCTT ngày 20/7/2018).	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; UBND các tỉnh, thành phố có liên quan.	- Tháng 05/2018: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục các dự án. - Đến 2020: Triển khai thực hiện.	Tiếp tục triển khai theo lộ trình.
2	Bảo vệ bờ biển, củng cố nâng	- Đầu tư, nâng cấp hệ thống đê	Bộ Nông	UBND các tỉnh,	- Bộ Nông nghiệp	Tiếp tục triển

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến 2020	2021 - 2030
	cấp hệ thống đê biển, phòng chống xói lở bờ biển; tập trung đầu tư xử lý ngay những đoạn xói lở, sạt lở bờ sông, bờ biển nghiêm trọng.	biển kết hợp với xây dựng hệ thống cầu, cống, đập ngăn mặn, đê bao chống ngập và kênh trục thuỷ lợi ở ĐBSCL.	nghiệp và Phát triển nông thôn	thành phố có liên quan.	và Phát triển nông thôn triển khai các dự án đã phê duyệt. - Đến 12/2020: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt dự án.	khai theo lộ trình.
		- Xây dựng hệ thống kè chống sạt lở tại những đoạn xói lở, sạt lở bờ sông, bờ biển nghiêm trọng khu vực ĐBSCL.	UBND các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL có liên quan	Các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường.	- UBND các tỉnh, thành phố đầu tư các dự án đã được xác định. - Phê duyệt dự án	Tiếp tục đầu tư theo lộ trình.
		- Đầu tư các kè tạo bãi trồng rừng ngập mặn tại các tỉnh khu vực ĐBSCL. - Phát triển rừng ngập mặn bảo vệ hệ thống đê sông, đê biển, phát triển sinh kế sinh thái gắn với rừng.	UBND các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL có liên quan	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- UBND các tỉnh, thành phố đầu tư các dự án đã được xác định. - Phê duyệt dự án	Tiếp tục đầu tư theo lộ trình.
		- Xây dựng Đề án quản lý và phát triển rừng ngập mặn phòng hộ ven sông, ven biển cùng với phát triển sinh kế sinh thái gắn với rừng.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, ngành có liên quan; UBND các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL.	Tháng 12/2019: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt.	Tiếp tục thực hiện.
3	Phát triển hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn phù hợp với đặc điểm của hệ sinh thái tự nhiên, điều kiện cụ thể của vùng và từng tiểu vùng sinh thái.	-				
		- Đầu tư, xây dựng cụm tuyến dân cư di dời khẩn cấp các hộ dân vùng sạt lở nghiêm trọng vùng ĐBSCL. - Bố trí, sắp xếp lại dân cư ven biển, sông, kênh, rạch phục vụ phòng chống	UBND các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ, ngành có liên quan	- UBND các tỉnh, thành phố thực hiện các dự án đã được xác định. - Phê duyệt các dự	Tiếp tục thực hiện.

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến 2020	2021 - 2030
		thiên tai và phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới vùng ĐBSCL.			án mở mới.	
4	Xây dựng đề án hiện đại hóa hệ thống thủy lợi phục vụ chuyển đổi, phát triển nông nghiệp bền vững tại các tiểu vùng sinh thái theo hướng đa dạng hóa nguồn lực và phương thức thực hiện, trong đó chú ý đẩy mạnh hình thức đối tác công - tư.	- Đầu tư, nâng cấp đồng bộ và hiện đại hóa hệ thống công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai và phát triển kinh tế xã hội.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các tỉnh/ thành phố vùng ĐBSCL có liên quan.	- Tháng 12/2019: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai các dự án đã xác định. - Phê duyệt các dự án mở mới.	Tiếp tục triển khai theo lộ trình được phê duyệt.
		- Đầu tư, xây dựng hệ thống thủy lợi, các hồ chứa đa mục tiêu, hệ thống cấp nước vùng ĐBSCL phục vụ phòng chống thiên tai, phát triển bền vững và thích ứng với BĐKH.	UBND các tỉnh/thành phố vùng ĐBSCL	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- UBND các tỉnh, thành phố đầu tư các dự án đã được xác định. - Phê duyệt các dự án mở mới.	Tiếp tục đầu tư theo lộ trình được phê duyệt.
5	Bảo đảm nhà ở an toàn trong điều kiện ngập lụt, khô hạn, bão, lũ, giông, lốc, nước biển dâng.	- Đầu tư, xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ vùng ĐBSCL.	UBND các tỉnh/thành phố vùng ĐBSCL	Các bộ, ngành có liên quan.	- UBND các tỉnh, thành phố đầu tư các dự án đã được xác định. - Phê duyệt các dự án mở mới.	Tiếp tục đầu tư theo lộ trình được phê duyệt.
		- Thí điểm xây dựng mô hình nhà, công trình phòng, tránh lốc, bão các tỉnh ĐBSCL.	UBND các tỉnh/thành phố vùng ĐBSCL	Các bộ, ngành có liên quan.	- Trong 2019: Triển khai các mô hình đã thí điểm thành công. - 2019 - 2020: Xây dựng các mô hình	Đúc kết kinh nghiệm và nhân rộng.

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến 2020	2021 - 2030
					mới.	
6	Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, ưu tiên các công trình giao thông tại các vùng có nguy cơ cao về ngập lụt, nâng cao khả năng chống chịu BĐKH và nước biển dâng; các công trình phục vụ kết nối, trung chuyển thúc đẩy vận tải đa phương thức tại các tỉnh vùng ĐBSCL.	- Nâng cấp và cải tạo các công trình giao thông theo kế hoạch được giao đảm bảo thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, trong đó, ưu tiên đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số.	Bộ Giao thông vận tải	UBND các tỉnh/ thành phố vùng ĐBSCL.	- Bộ Giao thông vận tải triển khai các dự án đã được xác định. - Phê duyệt các dự án mở mới.	Tiếp tục triển khai theo lộ trình được phê duyệt.
7	Hạ tầng thông tin và truyền thông, mạng lưới cấp điện, cấp nước, thoát nước, y tế được xây dựng đồng bộ.	- Đầu tư, nâng cấp hạ tầng thông tin và truyền thông khu vực ĐBSCL.	Bộ Thông tin và Truyền thông	UBND các tỉnh/ thành phố vùng ĐBSCL.	- Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai các dự án đã được xác định. - Phê duyệt các dự án mở mới.	Tiếp tục triển khai theo lộ trình được phê duyệt.
		- Đầu tư, nâng cấp mạng lưới điện nông thôn khu vực ĐBSCL.	Bộ Công Thương	UBND các tỉnh/ thành phố vùng ĐBSCL.	- Bộ Công Thương triển khai các dự án đã được xác định. - Phê duyệt các dự án mở mới.	Tiếp tục triển khai theo lộ trình được phê duyệt.
		- Đầu tư, nâng cấp hệ thống cấp thoát nước khu vực ĐBSCL.	Bộ Xây dựng; Bộ Nông nghiệp và Phát triển	UBND các tỉnh/ thành phố vùng ĐBSCL.	- Bộ Xây dựng và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai các dự án đã được xác định.	Tiếp tục triển khai theo lộ trình được phê duyệt.

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến 2020	2021 - 2030
			nông thôn		- Phê duyệt các dự án mở mới.	
		- Đầu tư hệ thống y tế đủ năng lực đáp ứng yêu cầu về chăm sóc sức khỏe người dân, tăng cường các điều kiện vệ sinh và giám sát chất lượng nước uống, sinh hoạt cho người dân trong điều kiện BĐKH ở ĐBSCL.	Bộ Y tế	UBND các tỉnh/ thành phố vùng ĐBSCL.	- Bộ Y tế triển khai các dự án đã được xác định. - Phê duyệt các dự án mở mới.	Tiếp tục triển khai theo lộ trình được phê duyệt.
8	Đầu tư các khu xử lý chất thải, nước thải tập trung, hiện đại; đẩy mạnh tái chế, tái sử dụng và sản xuất năng lượng từ rác.	- Đầu tư các khu xử lý chất thải, nước thải tập trung, hiện đại; các nhà máy tái chế, tái sử dụng và sản xuất năng lượng từ rác.	UBND các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL	Bộ Xây dựng và các bộ, ngành có liên quan.	- UBND các tỉnh, thành phố đầu tư các dự án đã được xác định. - Phê duyệt các dự án mở mới.	Tiếp tục đầu tư theo lộ trình được phê duyệt.
9	Đẩy mạnh liên kết phát triển bền vững các tiểu vùng thuộc ĐBSCL thích ứng với BĐKH.	- Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án liên kết phát triển bền vững tiểu vùng Duyên hải phía Đông ĐBSCL (Tiền Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh, Bến Tre); tiểu vùng Tứ giác Long Xuyên (Cần Thơ, Hậu Giang, An Giang, Kiên Giang); tiểu vùng Đồng Tháp Mười (Đồng Tháp, Long An, Tiền Giang).	UBND các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL có liên quan	Các bộ, ngành liên quan.	- Tháng 6/2019: trình cấp có thẩm quyền phê duyệt - Triển khai thực hiện Đề án.	Tiếp tục thực hiện.
		- Xây dựng danh mục các dự án, chương trình liên kết vùng	Bộ KHĐT	UBND các tỉnh, thành phố	Danh mục dự án	Danh mục dự án

6. Phát triển và huy động nguồn lực

a) Tuyên truyền nâng cao nhận thức

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả theo giai đoạn	
					2019 - 2020	2021 - 2030
1	Triển khai công tác truyền thông để tăng cường nhận thức cho người dân vùng ĐBSCL về những cơ hội từ quá trình chuyển đổi mô hình nhằm phát triển bền vững, thích ứng với BĐKH.	- Xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình truyền thông về: phòng chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai, BĐKH; BVMT và tài nguyên thiên nhiên; nâng cao nhận thức cho người dân về PTBV ĐBSCL.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, UBND các tỉnh/thành phố vùng ĐBSCL.	- Tháng 6/2019: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Chương trình. - 7/2019 - 2020: Tổ chức truyền thông.	Tiếp tục truyền thông.

b) Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến 2020	2021 - 2030
1	Đào tạo chuyển đổi ngành nghề và tạo việc làm cho lao động nông nghiệp, nông thôn theo hướng chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa, giúp nông dân thực sự trở thành công nhân nông ngiệp, rút dần lao động nông nghiệp, chuyển sang công nghiệp dịch vụ.	- Tư vấn nghề nghiệp và giới thiệu việc làm cho lao động nông thôn để chuyển đổi nghề nghiệp; - Nâng cao chất lượng đào tạo nghề nghiệp cho lao động nông thôn để chuyển đổi từ lao động nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ, công nhân nông nghiệp tay nghề cao; phát triển nguồn nhân lực cho kinh tế tập thể, hợp tác xã - Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cung cấp cho các ngành công	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các bộ và UBND các tỉnh/ thành phố vùng ĐBSCL.	- Số lao động được đào tạo và có việc làm, chuyển dịch lao động; - Tổng kết đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009; - Tổng kết Chương trình mục tiêu giáo	Tiếp tục triển khai.

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến 2020	2021 - 2030
		nghiệp, dịch vụ, các khu công nghiệp, khu chế xuất, làng nghề... và gắn với thị trường xuất khẩu lao động. - Xây dựng đề án/chương trình giai đoạn 2021 - 2025			dục nghề nghiệp – việc làm và an toàn lao động giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 về phê duyệt; - Đề án/chương trình được trình cấp có thẩm quyền phê duyệt	
2	Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn với thị trường xuất khẩu lao động để người dân tham gia tích cực, chủ động, với vai trò là trung tâm của quá trình chuyển đổi sản xuất và sinh kế, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế vùng.	- Tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn, hội thảo về: cung cấp thông tin thị trường và ngành hàng cho các tổ chức doanh nghiệp, hợp tác xã; tư vấn nâng cao năng lực và hỗ trợ, thu hút sự tham gia của các doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, thực phẩm vùng ĐBSCL.	Bộ Công Thương	Các bộ, UBND các tỉnh/thành phố vùng ĐBSCL.	2019 - 2020: Bộ Công Thương tổ chức các hội nghị, hội thảo, lớp tập huấn.	Tiếp tục triển khai.
3	Đổi mới công tác đào tạo để người nông dân chuyển đổi thành công nhân nông nghiệp có trình độ tay nghề cao và góp phần quan trọng vào việc	- Đào tạo nâng cao tay nghề cho nông dân để từng bước chuyển đổi ngành nghề và tạo việc làm cho lao động nông nghiệp, nông thôn	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, các tỉnh/thành phố vùng ĐBSCL.	- Tháng 6/2019: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Chương	Triển khai thực hiện Chương trình được phê duyệt.

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến 2020	2021 - 2030
	chuyển dịch cơ cấu lao động.	ĐBSCL.			trình. - 7/2019 - 2020: Tổ chức truyền thông.	
4	Đẩy mạnh giáo dục về phát triển bền vững và thích ứng với BĐKH ở ĐBSCL.	- Gắn kết giáo dục phát triển bền vững và thích ứng với BĐKH trong chương trình các cấp học và trình độ đào tạo vùng ĐBSCL; - Tăng cường tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo chất lượng cao về phát triển bền vững và thích ứng với BĐKH (đại học và sau đại học)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	UBND các tỉnh/ thành phố vùng ĐBSCL.	- Tháng 12/2019: Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt đề án. - 2019 - 2020: Tổ chức đào tạo.	Tiếp tục thực hiện.

c) Phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến 2020	2021 - 2030
1	Triển khai có hiệu quả các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm; ưu tiên bố trí nguồn lực khoa học, công nghệ có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm hiệu quả, thực chất nhằm phát triển bền vững vùng ĐBSCL thích ứng	- Tổng hợp các nghiên cứu về ĐBSCL, đặt hàng các nghiên cứu khoa học, công nghệ có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm hiệu quả, thực chất nhằm phát triển bền vững vùng ĐBSCL thích ứng với BĐKH.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, UBND các tỉnh/thành phố vùng ĐBSCL.	- Tháng 12/2019: Bộ Khoa học và Công nghệ báo cáo kết quả của các chương trình, nhiệm vụ KHCN cấp nhà nước.	Tiếp tục triển khai các nghiên cứu khoa học và công nghệ trọng tâm.

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến 2020	2021 - 2030
	với BĐKH.	- Xây dựng và trình Chương trình khoa học và công nghệ ứng phó với BĐKH phục vụ phát triển bền vững vùng ĐBSCL.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành; UBND các tỉnh/ thành phố vùng ĐBSCL.	- Tháng 12/2020: Trình Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt Chương trình.	Triển khai thực hiện.
2	Đẩy mạnh nghiên cứu về các vấn đề bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, giảm nhẹ các tổn thương, tác động tiêu cực do BĐKH gây ra đối với ĐBSCL.	Chủ động xây dựng các đề xuất đặt hàng giải quyết các khó khăn thách thức mà ĐBSCL đang đối mặt như: bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó với BĐKH và những tác động tiêu cực do các hoạt động khai thác nguồn nước trên dòng chính sông mê Công.	Bộ Khoa học và Công nghệ		- Báo cáo kết quả nghiên cứu, ứng dụng phù hợp với điều kiện Việt Nam từ các nhiệm vụ cấp quốc gia.	Tiếp tục thực hiện.
3	Triển khai các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách phục vụ sản xuất và phòng chống thiên tai và ứng phó với BĐKH vùng ĐBSCL.	- Đề án đánh giá tổng thể tác động của việc phát triển thủy điện dòng chính sông Mê Công, chú trọng việc hạ thấp mực nước Biển Hồ Campuchia.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành; UBND các tỉnh/ thành phố vùng ĐBSCL.	- Tháng 6/2019: trình Thủ tướng phê duyệt. - Triển khai thực hiện.	Tiếp tục thực hiện.
		- Xây dựng bộ công cụ hỗ trợ giám sát, cảnh báo thiên tai phục vụ sản xuất, phòng chống thiên tai ở vùng ĐBSCL dưới tác động của BĐKH. - Đánh giá sụt lún tại ĐBSCL do nguyên nhân tự nhiên, do con người	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành; UBND các tỉnh/ thành phố vùng ĐBSCL.	- Tháng 6/2019: Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Dự án. - Triển khai thực hiện.	Tiếp tục thực hiện.

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến 2020	2021 - 2030
		và do tác động của nước biển dâng.				
4	Nghiên cứu, chọn tạo, phát triển các giống cây trồng, vật nuôi và giống thủy sản có tiềm năng, lợi thế của vùng ĐBSCL, đáp ứng yêu cầu thị trường và thích ứng với BĐKH.	- Xây dựng và triển khai Chương trình nghiên cứu, lựa chọn, tạo giống cây trồng, vật nuôi tập trung chủ yếu cây ăn trái và giống lúa, giống thủy sản thích ứng với biến đổi khí hậu.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, UBND các tỉnh/ thành phố vùng ĐBSCL.	- Tháng 6/2019: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Chương trình. - Triển khai thực hiện.	Tiếp tục thực hiện.
5	Nghiên cứu tạo nguồn vật liệu mới thay thế, phục vụ san lấp, xây dựng để hạn chế việc lấy cát từ lòng sông để tôn nền.	- Nghiên cứu vật liệu mới thay thế cát nước ngọt sử dụng trong xây dựng nhằm tăng cường khả năng thoát nước trong bối cảnh BĐKH.	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành; UBND các tỉnh/ thành phố vùng ĐBSCL.	- Tháng 6/2019: Bộ Xây dựng phê duyệt Dự án. - Triển khai thực hiện.	Tiếp tục thực hiện.
		- Tăng cường công tác kiểm soát hoạt động khai thác cát sỏi xây dựng trái phép, hạn chế việc sử dụng cát tự nhiên trong san nền, tăng cường sử dụng vật liệu thay thế tự nhiên	UBND các tỉnh/thành phố vùng ĐBSCL		- Báo cáo hàng năm	Tiếp tục thực hiện.

d) Huy động và quản lý nguồn lực tài chính

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến 2020	2021 - 2030
1	Huy động nguồn lực về tài chính cho các hoạt động phát triển bền vững, thích ứng với BĐKH vùng ĐBSCL.	Nghiên cứu, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Quỹ phát triển bền vững vùng ĐBSCL.	Bộ Tài chính	Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành;	- Tháng 6/2019: trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.	Tiếp tục thực hiện.

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến 2020	2021 - 2030
				UBND các tỉnh/ thành phố vùng ĐBSCL.		
2	Tăng cường hiệu quả sử dụng nguồn vốn cho các hoạt động phát triển bền vững thích ứng với BĐKH vùng ĐBSCL.	- Bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện các chương trình, dự án tại vùng ĐBSCL, đẩy nhanh tiến độ triển khai, phát huy hiệu quả đầu tư".	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo phương án đầu tư vốn ngân sách hàng năm.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo phương án đầu tư vốn ngân sách hàng năm.
		- Bố trí nguồn lực, hướng dẫn bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên để triển khai Chương trình hành động tổng thể theo quy định, kiểm tra, giám sát việc sử dụng các nguồn lực tài chính nhằm đảm bảo sử dụng hiệu quả vốn.	Bộ Tài chính		Bộ Tài chính báo cáo phương án bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên hàng năm.	Bộ Tài chính báo cáo phương án bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên hàng năm.
3	Tập trung xử lý vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ giải ngân, bảo đảm sử dụng hiệu quả số vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020.	- Rà soát, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, phát hiện và giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện theo quy định của pháp luật.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành; UBND các tỉnh/ thành phố vùng ĐBSCL.	- Tháng 6/2019: Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoàn thành báo cáo. - 2019 - 2020: Tiếp tục thực hiện.	Tiếp tục thực hiện.

đ) Tăng cường hợp tác quốc tế

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến 2020	2021 - 2030
1	Điều phối các hoạt động hợp	Đánh giá và đề xuất các giải pháp	Bộ Tài	Bộ Ngoại giao,	- Tháng 6/2019: báo	Báo cáo hàng

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến 2020	2021 - 2030
	tác song phương và đa phương với các quốc gia thượng nguồn, các lưu vực sông, đồng bằng lớn trên thế giới, các quốc gia, các tổ chức quốc tế và các đối tác phát triển về phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với BĐKH.	nhằm thực thi có hiệu quả: Hiệp định Mê Công 1995 nhằm phát huy vai trò của Việt Nam tại Ủy hội sông Mê Công quốc tế và tăng cường hợp tác với các quốc gia lưu vực sông Mê Công và quan hệ đối tác chiến lược với Hà Lan.	nguyên và Môi trường	các bộ, ngành có liên quan.	cáo Thủ tướng Chính phủ. - 2019 - 2020: Tiếp tục cập nhật.	năm về kết quả hợp tác.
2	Tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng ĐBSCL.	Tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ phục vụ về bảo vệ môi trường, phòng tránh thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và những tác động tiêu cực do hoạt động khai thác nguồn nước trên dòng chính sông Mê Công.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành; UBND các tỉnh/ thành phố vùng ĐBSCL.	Tháng 12/2019: Báo cáo kết quả nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến phù hợp với điều kiện Việt Nam.	Tiếp tục cập nhật.
3	Thiết lập khuôn khổ hợp tác quốc tế mới.	Thiết lập các khuôn khổ hợp tác mới với các nước và các đối tác quốc tế trong lĩnh vực BĐKH và tài nguyên nước nhằm phát huy sự hỗ trợ, đầu tư của các đối tác quốc tế để phát triển bền vững ĐBSCL.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành; UBND các tỉnh/ thành phố vùng ĐBSCL.	- Tháng 12/2019: Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng phương án hợp tác mới. - 2019 - 2020: Tiếp tục cập nhật.	Tiếp tục cập nhật.